

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinaconex (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Ủy viên
Ông Triệu Hồng Tuyển	Ủy viên
Ông Phan Tiến Sơn	Ủy viên
Bà Lương Thị Nhung	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đức Nhất	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2011)
Ông Triệu Hồng Tuyển	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2011)
Ông Phan Tiến Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Thái	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Việt Văn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2011)
Ông Nguyễn Đức Nguyên	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2011)

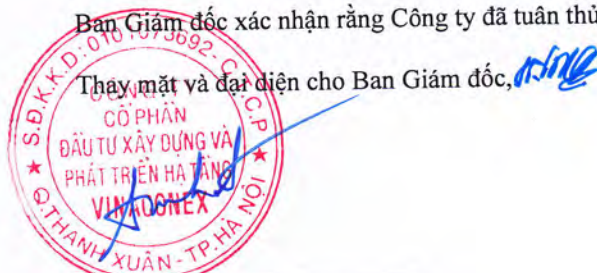
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Đức Nhất
Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2012

Số: 1347 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinaconex

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinaconex (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 28. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Ý kiến (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, lỗ lũy kế của Công ty là 36.337.386.290 đồng và công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 42.089.824.774 đồng, Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến sự kiện không chắc chắn nêu trên.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 4 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lê Việt Hà
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1570/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		191.690.698.043	227.753.827.507
I. Tiền	110	5	2.748.413.432	4.817.115.876
1. Tiền	111		2.748.413.432	4.817.115.876
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.437.129.512	72.489.469.078
1. Phải thu khách hàng	131		30.535.826.028	47.402.189.800
2. Trả trước cho người bán	132		11.731.850.658	12.215.069.252
3. Các khoản phải thu khác	135	6	3.000.000.000	12.922.661.923
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.830.547.174)	(50.451.897)
III. Hàng tồn kho	140	7	137.504.033.029	141.795.260.587
1. Hàng tồn kho	141		137.504.033.029	141.795.260.587
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.001.122.070	8.651.981.966
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.560.759.988	5.147.241.915
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		975.044	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.439.387.038	3.504.740.051
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		63.441.636.866	50.218.561.505
I. Tài sản cố định	220		61.990.101.596	42.075.650.038
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	61.990.101.596	30.410.929.848
- Nguyên giá	222		89.313.806.374	55.506.108.067
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.323.704.778)	(25.095.178.219)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	-	11.664.720.190
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		109.908.000	7.151.500.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	-	6.750.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	576.500.000	576.500.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	11	(466.592.000)	(175.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.341.627.270	991.411.467
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.112.160.270	991.411.467
2. Tài sản dài hạn khác	268		229.467.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		255.132.334.909	277.972.389.012

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		241.338.771.411	230.490.416.940
I. Nợ ngắn hạn	310		233.780.522.817	224.254.449.505
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	64.676.853.264	70.415.554.091
2. Phải trả người bán	312		63.444.688.612	69.324.817.068
3. Người mua trả tiền trước	313		80.535.801.069	61.150.034.366
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	653.719.714	662.573.182
5. Phải trả người lao động	315		2.968.974.136	1.655.360.911
6. Chi phí phải trả	316		14.977.824.728	10.439.824.765
7. Phải trả nội bộ	317		43.750.000	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	5.647.348.335	9.854.970.567
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		831.562.959	751.314.555
II. Nợ dài hạn	330		7.558.248.594	6.235.967.435
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	7.045.470.444	6.026.590.556
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		512.778.150	209.376.879
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		7.852.862.658	47.481.972.072
I. Vốn chủ sở hữu	410		7.852.862.658	47.481.972.072
1. Vốn điều lệ	411	16	40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	16	1.405.920.000	1.405.920.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	6.474.720
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	16	2.267.387.398	2.172.666.949
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	16	516.941.550	507.469.505
6. (Lỗ) lũy kế/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	(36.337.386.290)	3.389.440.898
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	17	5.940.700.840	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		255.132.334.909	277.972.389.012



Trần Đức Nhất
Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Hữu Long
Phụ trách Kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	117.021.306.266	153.356.760.370
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		117.021.306.266	153.356.760.370
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	129.785.373.649	151.710.654.119
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(12.764.067.383)	1.646.106.251
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		137.381.245	10.866.703.845
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	20	15.500.922.942	6.645.432.345
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.764.385.627	5.581.741.752
8. Chi phí bán hàng	24		-	419.616.438
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.081.862.717	8.466.739.886
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-24-25}	30		(39.209.471.797)	(3.018.978.573)
11. Thu nhập khác	31		2.935.423.750	7.554.820.156
12. Chi phí khác	32		925.032.503	16.587.053
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.010.391.247	7.538.233.103
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(37.199.080.550)	4.519.254.530
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	1.129.813.632
16. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		(37.199.080.550)	3.389.440.898
16.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(861.694.260)	-
16.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(36.337.386.290)	3.389.440.898
17. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	(9.084)	1.091



Trần Đức Nhất
Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2012



Nguyễn Hữu Long
Phụ trách Kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(37.199.080.550)	4.519.254.530
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.870.821.225	3.198.422.990
- Các khoản dự phòng	03	2.071.687.277	132.435.042
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.074.607.003)	(17.890.903.621)
- Chi phí lãi vay	06	14.764.385.627	5.581.741.752
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(16.566.793.424)	(4.459.049.307)
- Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	19.411.812.760	(8.648.289.157)
- Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	4.313.050.708	(55.086.387.011)
- Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.089.356.554	25.957.798.985
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(120.748.803)	(280.136.310)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(13.276.069.716)	(5.581.741.752)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(205.546.114)	(790.742.820)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.750.440.814	8.714.337.951
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(3.927.557.064)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.395.502.779	(44.101.766.485)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(10.695.786.126)	(29.401.317.125)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.854.090.906	819.090.909
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	100.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	135.816.339	10.578.203.845
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.705.878.881)	(17.904.022.371)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	20.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	96.729.703.940	144.510.094.615
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(90.470.583.082)	(103.162.018.544)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(3.017.447.200)	(1.234.551.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.241.673.658	60.113.525.071
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.068.702.444)	(1.892.263.785)
Tiền tồn đầu năm	60	4.817.115.876	6.709.379.661
Tiền tồn cuối năm	70	2.748.413.432	4.817.115.876

Trần Đức Nhất
Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Hữu Long
Phụ trách Kế toán

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinaconex (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Hòa Lạc là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1499/QĐ-BXD ngày 25 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000175 ngày 14/11/2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Hòa Lạc được chuyển thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinaconex theo Quyết định số 1994/QĐ/BXD ngày 14/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008056 ngày 02/06/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Từ ngày 14 tháng 10 năm 2009, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam đã chuyển nhượng hết số cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinaconex cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 là 40.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 01 công ty con là Công ty Cổ phần Khai thác mỏ và Sản xuất Vật liệu xây dựng VINA 34.

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Khai thác mỏ và Sản xuất Vật liệu xây dựng VINA 34	Hà Nội	54,7%	54,7%	Khai thác mỏ và sản xuất vật liệu xây dựng

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng, công trình xử lý chất thải và môi trường, công trình cấp thoát nước, công trình đường dây và trạm biến thế đến 110 KV;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh và phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật và công trình công cộng;
- Khai thác sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng, bao gồm: đá, cát, sỏi, gạch, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường, và các loại vật liệu khác;
- Tổ chức kinh doanh các hoạt động dịch vụ sửa chữa, cải tạo, duy tu bảo dưỡng công trình, dịch vụ thể thao, vui chơi, giải trí, ăn uống và các dịch vụ khác;
- Thực hiện các dịch vụ sửa chữa, bảo hành các thiết bị xe máy;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây truyền công nghệ - tự động hóa, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải;
- Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ kho vận;
- Xuất nhập khẩu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, lỗ lũy kế của Công ty là 36.337.386.290 đồng và công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 42.089.824.774 đồng, Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của mình, Công ty đã có kế hoạch tái cấu trúc vốn thông qua thanh lý một số tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn, chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính dài hạn (là các khoản góp vốn vào các công ty cổ phần). Để có thể cắt giảm chi phí hoạt động, Ban Giám đốc Công ty có kế hoạch tái cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý. Đồng thời, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex - cổ đông chính của Công ty đã cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính để Công ty có thể thanh toán các khoản nợ khi đến hạn. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 22.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Số dư tiền phản ánh giá trị tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng phải thu khó đòi (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty còn tồn tại một số khoản công nợ phải thu đối với các chủ đầu tư là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam ("Tổng Công ty") và một số đơn vị thành viên của Tổng Công ty có thời hạn trên hai năm kể từ thời điểm Công ty phát hành hóa đơn hoặc thời điểm thanh toán lần cuối. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, các khoản phải thu này sẽ được thu hồi sau khi các chủ đầu tư thực hiện xong thủ tục thanh quyết toán, nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo quy định, do đó, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được Hội đồng Quản trị hoặc Giám đốc Công ty phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Tài sản cố định	2011 (năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	6-25
Máy móc và thiết bị	8-12
Phương tiện vận tải	6-10
Tài sản cố định hữu hình khác	5-10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản vốn góp vào các công ty cổ phần trong đó Công ty nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ và các khoản đầu tư khác với thời hạn lớn hơn 01 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành có liên quan. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm lập báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ, vật tư, thiết bị phục vụ thi công các công trình được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 2 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận giá vốn hoạt động xây lắp

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh tương ứng với phần công việc hoàn thành được chủ đầu tư và nhà thầu phê duyệt quyết toán khối lượng và Công ty phát hành hóa đơn hạch toán doanh thu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không có bất kỳ tài sản hoặc nợ thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế tương ứng.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân

Báo cáo tài chính hợp nhất

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	176.336.162	5.325.942
Tiền gửi ngân hàng	2.572.077.270	4.811.789.934
	<u>2.748.413.432</u>	<u>4.817.115.876</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	-	12.875.000.000
Phải thu khác	3.000.000.000	47.661.923
	<u>3.000.000.000</u>	<u>12.922.661.923</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	9.934.780.211	2.557.983.810
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	127.127.834.558	139.237.276.777
Thành phẩm	441.418.260	-
Cộng	<u>137.504.033.029</u>	<u>141.795.260.587</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>137.504.033.029</u>	<u>141.795.260.587</u>

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang phản ánh chi phí thi công các công trình/dự án chưa được bàn giao cho các chủ đầu tư, trong đó, một số công trình/dự án có số dư lớn như sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công trình Đường Láng	49.059.651.902	63.335.806.703
Công trình Cầu Giẽ - Ninh Bình	24.410.541.802	37.851.018.333
Công trình Quốc lộ 21-1	17.434.415.179	6.802.707.313
Bệnh viện Đa khoa Thái Nguyên	9.255.985.391	1.025.957.223
Đường Hà Nội - Lào Cai	8.758.930.982	154.877.822

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân

Báo cáo tài chính hợp nhất

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	10.267.819.028	39.685.219.239	5.441.789.710	111.280.090	55.506.108.067
Tăng do hợp nhất với VINA34	7.379.218.265	6.120.781.735	-	-	13.500.000.000
Tăng do mua sắm	-	761.000.000	678.942.727	13.000.000	1.452.942.727
Tăng do XDCB hoàn thành	1.695.103.238	21.584.453.465	-	-	23.279.556.703
Tăng khác	-	-	-	131.781.818	131.781.818
Thanh lý, nhượng bán	-	2.351.289.027	2.182.108.914	23.185.000	4.556.582.941
Tại ngày 31/12/2011	19.342.140.531	65.800.165.412	3.938.623.523	232.876.908	89.313.806.374
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	2.088.961.338	19.533.192.632	3.410.134.229	62.890.020	25.095.178.219
Khấu hao trong năm	1.199.965.721	4.130.171.733	531.297.288	9.386.483	5.870.821.225
Thanh lý, nhượng bán	-	1.448.013.628	2.182.108.914	12.172.124	3.642.294.666
Tại ngày 31/12/2011	3.288.927.059	22.215.350.737	1.759.322.603	60.104.379	27.323.704.778
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	16.053.213.472	43.584.814.675	2.179.300.920	172.772.529	61.990.101.596
Tại ngày 31/12/2010	8.178.857.690	20.152.026.607	2.031.655.481	48.390.070	30.410.929.848

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị 15.321.430.793 đồng.

Công ty đã thế chấp văn phòng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản cố định hữu hình khác với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 25.012.481.961 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 15).

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công trình "Dây chuyền nghiền sàng đá công suất 250 tấn/h" - Mỏ đá Gò Chối	-	10.628.874.630
Sửa chữa Văn phòng 7	-	1.035.845.560
	-	11.664.720.190

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Khai thác mỏ và Sản xuất Vật liệu xây dựng VINA 34	-	6.750.000.000
	-	6.750.000.000

Ngày 19 tháng 11 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Quyết định số 04CT34/2010/QĐ-HĐQT về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Khai thác mỏ và Sản xuất Vật liệu xây dựng VINA 34 ("VINA 34") bằng một số tài sản cố định hữu hình với giá trị được đánh giá lại là 13,5 tỷ đồng. Ngày 24 tháng 12 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua phương án chuyển nhượng cho Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex (Vinaconex E&C) 675.000 cổ phiếu VINA 34. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty sở hữu 675.000 cổ phiếu VINA 34 (giá gốc 6.750.000.000 đồng) tương đương 49,8% vốn điều lệ của VINA 34, do đó giá trị đầu tư vào VINA 34 được trình bày trên khoản mục "Đầu tư vào công ty liên kết".

Trong tháng 4 năm 2011, Công ty đã mua thêm 145.000 cổ phần VINA 34 với tổng giá trị đầu tư là 1.450.000.000 đồng, nâng tỷ lệ nắm giữ cổ phần VINA 34 lên 54,7%. Do đó, từ tháng 4 năm 2011, VINA 34 trở thành công ty con của Công ty, và báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 4 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 của VINA 34 được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011		31/12/2010	
	Cổ phần	VND	Cổ phần	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình ngầm	52.070	401.500.000	40.150	401.500.000
Công ty Cổ phần Khai thác đá Yên Bình	17.500	175.000.000	17.500	175.000.000
		576.500.000		576.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		466.592.000		175.000.000
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm</i>		<i>291.592.000</i>		<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Khai thác đá Yên Bình</i>		<i>175.000.000</i>		<i>175.000.000</i>

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	28.938.846.171	39.867.644.037
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	13.979.313.890	14.687.910.054
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	6.021.058.203	12.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	7.000.000.000	-
Vay các đối tượng cá nhân khác	426.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	3.311.635.000	3.860.000.000
	64.676.853.264	70.415.554.091

Công ty đã thế chấp văn phòng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và tài sản cố định hữu hình khác để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng (xem Thuyết minh số 8).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEXVăn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	406.583.686	610.693.712
Thuế thu nhập cá nhân	188.068.778	51.879.470
Thuế tài nguyên	36.892.350	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	22.174.900	-
	<u>653.719.714</u>	<u>662.573.182</u>

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex góp vốn đầu tư mỏ đá	800.000.000	8.400.000.000
Phải trả cổ tức	1.010.172.802	827.620.002
Lãi vay dự trả	1.743.101.867	-
Bảo hiểm bắt buộc	1.388.204.767	-
Phải trả, phải nộp khác	705.868.899	627.350.565
	<u>5.647.348.335</u>	<u>9.854.970.567</u>

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	2.267.154.857	4.127.154.857
Ngân hàng TMCP Quân đội	7.789.950.587	5.759.435.699
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nguyễn Trãi	300.000.000	-
	<u>10.357.105.444</u>	<u>9.886.590.556</u>
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 12)	3.311.635.000	3.860.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>7.045.470.444</u>	<u>6.026.590.556</u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

- Ngày 31 tháng 5 năm 2005 và ngày 3 tháng 6 năm 2009, Công ty đã các ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây với số tiền vay lần lượt là 7.500.000.000 đồng và 3.900.000.000 đồng. Các khoản vay được Công ty sử dụng vào mục đích đầu tư mua mới văn phòng làm việc, giao dịch, cho thuê và đầu tư xe máy, thiết bị phát triển năng lực sản xuất của Công ty. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay này. Các khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ thời điểm giải ngân đầu tiên. Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ theo từng thời kỳ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư của các khoản vay này là 2.267.154.857 đồng.
- Ngày 5 tháng 10 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 49.10.072.737066.TD.DN với Ngân hàng TMCP Quân đội với số tiền vay tối đa 10.000.000.000 đồng. Khoản vay được Công ty sử dụng vào mục đích tài trợ đầu tư thiết bị thực hiện dự án đầu tư dây chuyền nghiền sàng đá công suất 250 tấn/h nhằm nâng cao năng lực sản xuất đá tại Mỏ đá Gò Chối, xã Đông Xuân, Tiên Xuân, huyện Quốc Oai, Hà Nội. Khoản vay được đảm bảo bởi tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ thời điểm giải ngân đầu tiên. Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ theo từng thời kỳ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư của khoản vay này là 7.789.950.587 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân

Báo cáo tài chính hợp nhất

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.311.635.000	3.860.000.000
Trong năm thứ hai	2.962.154.857	3.800.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	4.083.315.587	2.226.590.556
	<u>10.357.105.444</u>	<u>9.886.590.556</u>
<i>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng</i> <i>(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)</i>	<i>3.311.635.000</i>	<i>3.860.000.000</i>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>7.045.470.444</u>	<u>6.026.590.556</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	20.000.000.000	1.405.920.000	1.616.236.639	451.826.474	3.112.860.620
Tăng vốn trong năm	20.000.000.000	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.389.440.898
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	556.430.310	55.643.031	(612.073.341)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.000.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(500.787.279)
Số dư tại ngày 01/01/2011	40.000.000.000	1.405.920.000	2.172.666.949	507.469.505	3.389.440.898
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(36.337.386.290)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận trong năm	-	-	94.720.449	9.472.045	(104.192.494)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(3.200.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(85.248.404)
Số dư tại ngày 31/12/2011	40.000.000.000	1.405.920.000	2.267.387.398	516.941.550	(36.337.386.290)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0101073692 ngày 15 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn điều lệ			Vốn thực góp đến ngày 31/12/2011		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex (Vinaconex E&C)	1.980.000	49,5%	19.800.000.000	1.980.000	49,5%	19.800.000.000
Các cổ đông khác	2.020.000	50,5%	20.200.000.000	2.020.000	50,5%	20.200.000.000
Cộng	4.000.000	100%	40.000.000.000	4.000.000	100%	40.000.000.000

Chia cổ tức và trích quỹ

Trong năm, Công ty đã thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 06 tháng 05 năm 2011, cụ thể như sau:

- Chia cổ tức với số tiền 3.200.000.000 đồng;
- Trích Quỹ đầu tư phát triển với số tiền 94.720.449 đồng;
- Trích Quỹ dự phòng tài chính với số tiền 9.472.045 đồng;
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 85.248.404 đồng.

Cổ phiếu

	31/12/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.000.000	4.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại công ty con được xác định là 45,33%.

Biến động lợi ích của cổ đông thiểu số trong năm như sau:

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm	6.800.000.000	-	-	6.800.000.000
Trích lập quỹ		627.020		627.020
Lỗi trong năm	-	-	(859.926.180)	(859.926.180)
Tại ngày 31/12/2011	6.800.000.000	627.020	(859.926.180)	5.940.700.840

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong năm, Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh.

Doanh thu - Giá vốn theo lĩnh vực kinh doanh cụ thể như sau:

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	104.301.224.664	137.046.814.537
Doanh thu dịch vụ	425.887.228	758.202.619
Doanh thu bán vật liệu	11.230.604.804	12.347.197.760
Khác	1.063.589.570	3.204.545.454
	117.021.306.266	153.356.760.370

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	115.223.639.672	136.431.257.475
Giá vốn dịch vụ	416.936.365	758.202.619
Giá vốn bán vật liệu	12.758.296.436	11.747.772.025
Khác	1.386.501.176	2.773.422.000
	129.785.373.649	151.710.654.119

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân

Báo cáo tài chính hợp nhất

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**

Dưới đây là phân tích doanh thu hoạt động xây lắp (hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu) của Công ty theo các công trình và khu vực địa lý:

Công trình	Khu vực địa lý	Năm 2011
		VND
Quốc lộ 21-1	Nam Định	22.948.458.180
Cầu Giẽ - Ninh Bình	Hà Nội - Ninh Bình	29.152.317.299
Đường Hà Nội - Lào Cai	Hà Nội - Lào Cai	12.002.169.758
Cái Giá- Cát Bà	Hải Phòng	6.636.686.461
Đường Láng	Hà Nội	6.252.851.924
Nhà máy Bê tông Đà Nẵng	Đà Nẵng	7.688.585.454
Quốc lộ 38B	Hưng Yên	4.225.368.238
Hạ tầng An Khánh giai đoạn 2	Hà Nội	2.879.806.760
Doanh thu thi công Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	Hà Nội	1.080.230.786
Bệnh viện Đa khoa Thái Nguyên	Thái Nguyên	7.126.529.804
Khác	Khác	4.308.220.000
		104.301.224.664

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.090.015.267	88.942.822.058
Chi phí nhân công	19.280.772.640	20.262.663.236
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.870.821.227	3.198.422.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.007.182.821	27.482.647.856
Chi phí khác	8.156.335.552	8.371.040.542
	165.405.127.507	148.257.596.682

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	14.764.385.627	5.581.741.752
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	354.178.746	795.186.060
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	291.592.000	132.435.042
Chi phí hoạt động tài chính khác	90.766.569	136.069.491
	15.500.922.942	6.645.432.345

21. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2011	2010
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(36.337.386.290)	3.389.440.898
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	4.000.000	3.106.729
(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(9.084)	1.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 15 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	2.748.413.432	4.817.115.876
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.705.278.854	47.399.399.826
Đầu tư dài hạn khác	109.908.000	401.500.000
Tổng cộng	34.563.600.286	52.618.015.702
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	67.747.582.180	79.179.787.635
Chi phí phải trả	14.977.824.728	10.439.824.765
Các khoản vay	71.722.323.708	76.442.144.647
Tổng cộng	154.447.730.616	166.061.757.047

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất và về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tuy nhiên, để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục, Công ty đã có kế hoạch thanh lý các khoản đầu tư này, theo đó, Công ty nhập nhận rủi ro phát sinh khi thanh lý các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu quá hạn thanh toán. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu quá hạn thanh toán như trình bày dưới đây:

Tên đối tượng	Số tiền (VND)
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	729.956.866
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Vinaconex - Alphanam	217.152.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	29.804.000
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	75.347.000
Công ty Kinh doanh nhà Đồng Đa	15.534.417
Công ty Xây dựng Công trình 56 Bộ Quốc Phòng	34.917.481
Phải thu cán bộ công nhân viên	1.333.289.387
	2.436.001.151

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	67.747.582.180	-	67.747.582.180
Chi phí phải trả	14.977.824.728	-	14.977.824.728
Các khoản vay	64.676.853.264	7.045.470.444	71.722.323.708
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	79.179.787.635	-	79.179.787.635
Chi phí phải trả	10.439.824.765	-	10.439.824.765
Các khoản vay	70.415.554.091	6.026.590.556	76.442.144.647

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	2.748.413.432	-	2.748.413.432
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.705.278.854	-	31.705.278.854
Đầu tư dài hạn khác	-	109.908.000	109.908.000
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	4.817.115.876	-	4.817.115.876
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.399.399.826	-	47.399.399.826
Đầu tư dài hạn khác	-	401.500.000	401.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân

Báo cáo tài chính hợp nhất

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	73.047.447.154	63.687.265.857
Ban Quản lý Dự án Đường Láng - Hòa Lạc	6.252.851.924	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Hòa Lạc	1.080.230.786	-
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	101.447.273	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex - ITC	6.636.686.461	-
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	7.688.585.454	-
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	6.691.569.518	92.017.454
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	1.481.241.082	-
Khoản vay đã nhận		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	7.000.000.000	-
Cổ tức đã chia		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	1.584.000.000	-
Thu nhập của Ban Giám đốc:		
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng thu nhập	1.471.948.146	1.254.309.990

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	11.784.362.398	15.369.775.823
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	2.270.115.832	31.572.455.426
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex - ITC	4.855.202.602	6.571.387.602
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	1.199.812.100	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Hòa Lạc	3.565.712.794	2.377.458.929
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	729.956.866	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	-	174.453.733
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinaconex - Alphanam	217.152.000	217.152.000
Ban Điều hành Dự án Xây dựng Hồ chứa nước Cửa Đạt	881.532.789	881.532.789
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	191.848.494	29.804.000
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	515.000.000	92.017.454
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	-	11.554.050
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	1.205.378.032	1.111.765.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giao thông Vinaconex 39	806.158.679	1.242.452.707
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	-	5.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vinaconex Lương Sơn Hòa Bình	-	6.985.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	-	55.331.052
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	800.000.000	-
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	31.472.090.812	7.362.164.218
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	223.958.765	223.958.765
Ban Quản lý Dự án Đường Láng - Hòa Lạc	37.496.737.931	36.281.785.792
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	6.138.057.070	12.755.036.500
Công ty Cổ phần VIMECO	1.844.354.331	1.005.916.935
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	-	2.195.815.000
Vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	6.021.058.203	12.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VINACONEX

Văn phòng 7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của công ty mẹ đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập khác. Năm 2011 là năm đầu tiên công ty có công ty con và lập báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Đức Nhất
Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Hữu Long
Phụ trách Kế toán

